

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thi VLVH)

Ngày thi: 23/11/2025 (buổi sáng)

Môn thi: Ngữ văn

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	25.VLVH.001	Võ Thị Ngọc Ánh	24/05/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
2	25.VLVH.002	Đoàn Quốc Dương	12/04/2006	Quảng Nam	Nam	Kinh	GDTH	0.00	Không chắn	Vắng thi
3	25.VLVH.003	Nguyễn Thị Khánh Huyền	30/04/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
4	25.VLVH.004	Nguyễn Thị Song Lệ	11/02/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
5	25.VLVH.005	Nguyễn Thị Hà Linh	05/05/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chắn	
6	25.VLVH.006	Phùng Trần Na Na	02/05/2007	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	GDTH	7.00	Bảy chắn	
7	25.VLVH.007	Trần Thị Thanh Ngân	20/12/1998	Bình Định	Nữ	Kinh	GDTH	7.75	Bảy phẩy bảy lăm	
8	25.VLVH.008	Nguyễn Thúy Ngân	14/11/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.25	Tám phẩy hai lăm	
9	25.VLVH.009	Ngô Thị Thu Nguyên	19/12/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	0.00	Không chắn	Vắng thi
10	25.VLVH.010	Võ Thị Xuân Nhi	12/03/1998	Bình Định	Nữ	Kinh	GDTH	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
11	25.VLVH.011	Thái Thị Yến Nhi	01/11/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
12	25.VLVH.012	Đinh Ngọc Hải Nhi	28/09/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	6.75	Sáu phẩy bảy lăm	
13	25.VLVH.013	Nguyễn Hà Nhi	18/10/1990	Quảng Nam - Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	0.00	Không chắn	Vắng thi
14	25.VLVH.014	Nguyễn Quỳnh Như	04/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chắn	
15	25.VLVH.015	Tạ Nam Phương	19/01/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
16	25.VLVH.016	Y NE RÔS	01/01/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	GDTH	5.00	Năm chắn	
17	25.VLVH.017	Nguyễn Thị Mi Sa	17/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
18	25.VLVH.018	Hoàng Phương Thảo	14/03/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.25	Tám phẩy hai lăm	
19	25.VLVH.019	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	05/07/2007	Gia Lai	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
20	25.VLVH.020	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
21	25.VLVH.021	Lê Thị Trinh	12/03/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
22	25.VLVH.022	Nguyễn Lê Nhã Uyên	25/03/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
23	25.VLVH.023	Huỳnh Trường Vy	24/11/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.25	Tám phẩy hai lăm	
24	25.VLVH.103	Trần Hồng Ánh	15/08/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.25	Tám phẩy hai lăm	
25	25.VLVH.024	Trương Thị Trâm Anh	30/11/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
26	25.VLVH.025	Nguyễn Thị Hồng Anh	02/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
27	25.VLVH.026	Nguyễn Thị Bình	15/09/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
28	25.VLVH.027	Lê Phạm Mỹ Chi	22/05/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
29	25.VLVH.028	Nguyễn Thị Kim Chung	11/02/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	
30	25.VLVH.029	Hồ Thị Diệu	05/06/2007	Quảng Nam	Nữ	Gié Triêng	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
31	25.VLVH.030	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/08/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
32	25.VLVH.031	Lê Thị Gái	17/07/1995	Quảng Nam - Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
33	25.VLVH.032	Võ Thị Phương Giang	22/03/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
34	25.VLVH.033	Nguyễn Thị Minh Hà	01/06/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
35	25.VLVH.034	Trần Ngọc Bảo Hân	02/12/2007	Kon Tum	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
36	25.VLVH.035	Trần Huỳnh Bảo Hân	24/04/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.75	Tám phẩy bảy lăm	
37	25.VLVH.036	Lê Thị Mỹ Hạnh	12/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.75	Bảy phẩy bảy lăm	
38	25.VLVH.037	Nguyễn Thị Kim Hào	25/02/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.50	Sáu phẩy năm	
39	25.VLVH.038	Đặng Thị Hiền	29/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
40	25.VLVH.039	Ngô Thị Hiệp	20/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
41	25.VLVH.040	Nguyễn Thị Kim Hoàng	27/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
42	25.VLVH.041	Tăng Thị Thanh Hương	13/09/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
43	25.VLVH.042	Nguyễn Thu Lan	30/08/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
44	25.VLVH.043	Nguyễn Thị Lê	27/09/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	
45	25.VLVH.044	Đặng Thị Ái Linh	04/06/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
46	25.VLVH.045	Nguyễn Thị Mai Linh	27/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
47	25.VLVH.046	Nguyễn Thị Hồng Linh	01/09/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.75	Tám phẩy bảy lăm	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
48	25.VLVH.047	Đinh Thảo Ly	22/07/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.75	Tám phẩy bảy lăm	
49	25.VLVH.048	Nguyễn Thị Trà My	06/04/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	
50	25.VLVH.049	Lương Thị Hoàng My	14/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
51	25.VLVH.050	Trần Nguyễn Thanh Ngân	20/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
52	25.VLVH.051	Huỳnh Thị Minh Ngọc	05/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
53	25.VLVH.052	Thái Thị Nguyên	15/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.75	Bảy phẩy bảy lăm	
54	25.VLVH.053	Ngô Thị Như Nguyệt	04/03/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
55	25.VLVH.054	Phan Nguyễn Thanh Nhân	29/01/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
56	25.VLVH.055	Lê Thị Thanh Nhi	02/09/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
57	25.VLVH.056	Trần Thảo Nhi	05/04/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.75	Tám phẩy bảy lăm	
58	25.VLVH.057	Lê Thị Ngọc Nhi	11/09/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Pa cô	GDMN	8.00	Tám chẵn	
59	25.VLVH.058	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
60	25.VLVH.059	Ngô Phạm Khánh Nhi	06/04/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
61	25.VLVH.060	Ngô Uyển Nhi	22/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
62	25.VLVH.061	Võ Phan Thị Mỹ Nhung	25/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.00	Sáu chẵn	
63	25.VLVH.062	Ngô Thị Nguyên Nhung	28/06/1994	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
64	25.VLVH.063	Huỳnh Kiều Oanh	24/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	
65	25.VLVH.064	Trần Lê Như Phương	28/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
66	25.VLVH.065	Y Lệ Phương	24/12/2004	Kon Tum	Nữ	Hà Lãng	GDMN	8.00	Tám chẵn	
67	25.VLVH.066	Thái Thị Như Quỳnh	03/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	0.00	Không chẵn	Vắng thi
68	25.VLVH.067	Nguyễn Thị Phương Thanh	07/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
69	25.VLVH.068	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08/02/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	0.00	Không chẵn	Vắng thi
70	25.VLVH.069	Trần Thị Hương Thảo	09/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
71	25.VLVH.070	Hồ Thị Thu Thom	31/12/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	GDMN	7.75	Bảy phẩy bảy lăm	
72	25.VLVH.071	Mai Anh Thư	17/12/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	0.00	Không chẵn	Vắng thi
73	25.VLVH.072	Phạm Thị Mai Thương	30/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	
74	25.VLVH.073	Lê Nguyễn Minh Thùy	24/08/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.25	Tám phẩy hai lăm	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
75	25.VLVH.074	Nguyễn Thị Thủy	02/11/1997	Quảng Bình	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
76	25.VLVH.075	Võ Thị Mỹ Tiên	20/01/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
77	25.VLVH.076	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/04/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
78	25.VLVH.077	Nguyễn Phạm Bảo Trân	19/06/2007	Gia Lai	Nữ	Kinh	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
79	25.VLVH.078	Nguyễn Kiều Đoan Trang	21/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
80	25.VLVH.079	Hà Huyền Trang	16/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
81	25.VLVH.080	Nguyễn Thùy Trang	29/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
82	25.VLVH.081	Trần Mỹ Trinh	01/11/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
83	25.VLVH.082	Nguyễn Võ Thanh Trúc	22/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
84	25.VLVH.083	Trịnh Thu Uyên	09/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
85	25.VLVH.084	Tăng Khánh Vân	28/04/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
86	25.VLVH.085	Trần Hạ Vy	15/08/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
87	25.VLVH.086	Nguyễn Thị Phương Vy	23/10/2007	Đà Nẵng	Nữ	Cơ Tu	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
88	25.VLVH.087	Huỳnh Nguyên Vỹ	06/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.75	Bảy phẩy bảy lăm	
89	25.VLVH.088	Hồ Thị Ánh Xuân	15/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
90	25.VLVH.089	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
91	25.VLVH.090	Mạc Thị Kim Y	16/07/2006	Đà Nẵng	Nữ	Cơ Tu	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	

Tổng số: 91 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi: 85 thí sinh

Số thí sinh vắng thi: 06 thí sinh